

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND phường Hoàn Sơn)

TT	Nội dung chi	HĐND tính giao			HĐND phường giao bổ sung	Tổng HĐND phường giao đầu năm tại NQ số 24	Ước thực hiện 6 tháng	Đề xuất điều chỉnh tăng, giảm dự toán	HĐND phường điều chỉnh giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng cộng	Hoạt động theo định mức	Bổ sung các hoạt động chuyên môn						
A	Tổng Dự toán chi (I+II+III)	153.822.000	127.887.000	25.935.000	18.150.000	171.972.000	71.015.529	21.479.458	193.451.458	
I	Chi đầu tư phát triển	10.200.000	10.200.000		10.200.000	20.400.000	0	13.296.000	33.696.000	
II	Chi thường xuyên	141.214.000	115.279.000	25.935.000	6.950.000	148.164.000	71.015.529	8.183.458	156.347.458	
1	Sự nghiệp kinh tế, Môi trường	24.218.000	9.583.000	14.635.000	2.000.000	26.218.000	7.536.000	-	26.218.000	
1.1	Sự nghiệp kinh tế	21.718.000	7.083.000	14.635.000	2.000.000	23.718.000	5.136.000	-2.000.000	21.718.000	
-	Kinh phí kiến thiết thị chính, phát triển đô thị (xây dựng đô thị văn minh)		5.000.000	2.000.000	2.000.000	9.000.000	2.486.000	- 2.000.000	7.000.000	
-	Kinh phí quản lý, Bảo trì, bảo dưỡng công trình đường bộ, đường thủy		1.020.000			1.020.000		200.000	1.220.000	
-	Dịch vụ công ích thủy lợi phí		65.000			65.000			65.000	
-	Đất trồng lúa		102.000			102.000			102.000	
-	Sự nghiệp kinh tế, hạ tầng và đô thị			735.000		735.000	150.000		735.000	
-	Ban An toàn giao thông			100.000		100.000			100.000	
-	Phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn			200.000		200.000			200.000	
-	Hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp (ngay DN và các hoạt động khác)			200.000		200.000			200.000	
-	Hỗ trợ công tác Quản lý thu ngân sách (hỗ trợ ngành Thuế phối hợp công tác thu)			100.000		100.000	50.000		100.000	
-	Dịch vụ công ích đô thị			3.000.000		3.000.000			3.000.000	
-	Tiền điện hệ thống điện chiếu sáng			2.000.000		2.000.000	1.400.000	1.000.000	3.000.000	
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			3.000.000		3.000.000	600.000		3.000.000	
-	Quỹ lương hoạt động của Trung tâm dịch vụ tổng hợp		896.000			896.000	450.000	800.000	1.696.000	

TT	Nội dung chi	HĐND tỉnh giao			HĐND phường giao bổ sung	Tổng HĐND phường giao đầu năm tại NQ số 24	Ước thực hiện 6 tháng	Đề xuất điều chỉnh tăng, giảm dự toán	HĐND phường điều chỉnh giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng cộng	Hoạt động theo định mức	Bổ sung các hoạt động chuyên môn						
-	Sự nghiệp KT khác			3.300.000		3.300.000		- 2.000.000	1.300.000	
1.2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.500.000	2.500.000			2.500.000	2.400.000	2.000.000	4.500.000	
2	Sự nghiệp VH TT -TDTT và PT-TH	690.000	690.000		400.000	1.090.000	850.000	800.000	1.890.000	
-	Kinh phí tổ chức thực hiện		450.000			450.000		500.000	950.000	
-	Kinh phí phát thanh		120.000			120.000			120.000	
-	KP toàn dân đoàn kết xây dựng Đô thị văn minh theo thông tư 121/2017-BTC		120.000			120.000			120.000	
-	Các hoạt động, nhiệm vụ văn hóa thông tin, thể dục thể thao khác				400.000	400.000			400.000	
-	Kinh phí tổ chức lễ giỗ 500 năm TS LQY							300.000	300.000	
3	Sự nghiệp khoa học, công nghệ chuyển đổi số	150.000	150.000		1.000.000	1.150.000	247.000	500.000	1.650.000	
4	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo (7 trường)	53.377.000	53.377.000		500.000	53.877.000	27.151.000		53.877.000	
5	Sự nghiệp y tế	2.696.000	2.696.000	0	150.000	2.846.000	2.208.000	4.504.000	7.350.000	
-	BHYT các đối tượng BTX, HTXH, CCB, người nghèo		2.434.000			2.434.000			2.434.000	
-	Bảo hiểm Y tế người có công		262.000			262.000			262.000	
-	Hỗ trợ các Trạm y tế (sắp xếp bộ máy)				150.000	150.000			150.000	
-	Quỹ lương, hoạt động của Trạm y tế							4.504.000	4.504.000	
6	Sự nghiệp xã hội	24.083.000	24.083.000	0	0	24.083.000	12.364.000	-	24.083.000	
-	Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về công tác cứu tế, đảm bảo xã hội		280.000			280.000			280.000	
-	Trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH;		11.185.000			11.185.000	5.592.500		11.185.000	
-	Chế độ Mai táng phí Cựu chiến binh		238.000			238.000	374.200		238.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi NCC với cách mạng, thân nhân NCC với cách mạng, người trực tiếp tham gia kháng chiến		10.325.000			10.325.000	5.511.014		10.325.000	
-	Tiền điện hộ nghèo, hộ CSXH		203.000			203.000	28.862		203.000	
-	Chế độ hàng tháng hưu xã 130-111		978.000			978.000	608.624		978.000	
-	Thanh niên xung phong		13.000			13.000	6.500		13.000	
-	Chúc thọ mừng thọ bao gồm chi phí khung, thiệp		86.000			86.000	82.300		86.000	
-	Quà cho người có công cách mạng, thân nhân người có công, CCB (Tiền mặt) tết và ngày 27/7		321.000			321.000			321.000	

TT	Nội dung chi	HĐND tỉnh giao			HĐND phường giao bổ sung	Tổng HĐND phường giao đầu năm tại NQ số 24	Ước thực hiện 6 tháng	Đề xuất điều chỉnh tăng, giảm dự toán	HĐND phường điều chỉnh giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng cộng	Hoạt động theo định mức	Bổ sung các hoạt động chuyên môn						
-	Lãnh đạo tỉnh tặng quà người có công tiêu biểu (1 người)		5.000			5.000			5.000	
-	Đại diện thân nhân liệt sỹ, thờ cúng BMVNAH		105.000			105.000			105.000	
-	Quà tặng tết cổ truyền theo đề xuất của Sở Y tế		44.000			44.000			44.000	
-	Sự nghiệp xã hội khác		300.000			300.000	160.000		300.000	
7	Quản lý hành chính	33.010.000	21.710.000	11.300.000	2.300.000	35.310.000	18.809.529	- 1.139.000	34.171.000	
7.1	<i>Quản lý Nhà nước (HĐND và UBND)</i>		11.582.892	5.850.000		17.432.892	10.091.000	- 600.000	16.832.892	
-	Lương và các khoản phụ cấp HĐND và UBND		6.072.060			6.072.060	2.898.905		6.072.060	
-	Quỹ tiền thưởng		635.980			635.980			635.980	
-	Hoạt động trong định mức		1.288.960			1.288.960	732.000		1.288.960	
-	Phụ cấp đại biểu HĐND		514.000			514.000	166.374		514.000	
-	Kinh phí hoạt động của HĐND phường (NQ82)		305.000			305.000	382.344		305.000	
-	Phụ cấp người hoạt động KCT ở TDP, Những người trực tiếp tham gia công việc ở tổ dân phố		1.871.892			1.871.892	966.265		1.871.892	
-	Phụ cấp cho cán bộ làm công tác CNTT		63.000			63.000			63.000	
-	Hỗ trợ gia hạn phần mềm kế toán		32.000			32.000	14.040		32.000	
-	Phụ cấp Tổ ANTT cơ sở		800.000			800.000	410.000	- 800.000	-	
-	Bổ sung hoạt động ngoài định mức chi chung, hỗ trợ khác			5.850.000	0	5.850.000	2.848.000	200.000	6.050.000	
7.2	Đảng ủy		6.441.228	3.110.000	0	9.551.228	4.430.884	105.000	9.656.228	
-	Lương và các khoản PC Văn phòng Đảng ủy		3.514.490			3.514.490	1.444.000		3.514.490	
-	Quỹ tiền thưởng		317.400			317.400	-		317.400	
-	Hoạt động theo định mức		745.950			745.950	545.000		745.950	
-	Phụ cấp BCH Đảng ủy		202.000			202.000	102.000		202.000	
-	Hoạt động của Tổ chức đảng		85.000			85.000			85.000	
-	Kinh phí Tặng thưởng kèm huy hiệu đảng		279.000			279.000	128.000		279.000	
-	KP Hoạt động cấp ủy		91.000			91.000	58.000		91.000	
-	Hỗ trợ Ban chỉ đạo công tác 35		250.000			250.000	78.500		250.000	
-	Hoạt động của cán bộ UBKT cấp xã		22.000			22.000			22.000	
-	Kinh phí người hoạt động KCT		16.380			16.380	16.380		16.380	
	Phụ cấp bí thư chi bộ		775.008			775.008	387.504		775.008	
-	Hợp đồng 111		143.000			143.000	71.500		143.000	
+	Công tác tổ chức			576.000		576.000	90.000		576.000	
+	Hoạt động BTV Đảng ủy			150.000		150.000			150.000	

TT	Nội dung chi	HĐND tỉnh giao			HĐND phường giao bổ sung	Tổng HĐND phường giao đầu năm tại NQ số 24	Ước thực hiện 6 tháng	Đề xuất điều chỉnh tăng, giảm dự toán	HĐND phường điều chỉnh giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng cộng	Hoạt động theo định mức	Bổ sung các hoạt động chuyên môn						
+	Hoạt động của các ban chỉ đạo			100.000		100.000			100.000	
+	Phụ cấp cấp ủy viên cho Đảng bộ, chi bộ Doanh nghiệp			10.000		10.000			10.000	
+	Cấp bù tiền thuốc cán bộ BTV tỉnh quản lý nghỉ hưu			50.000		50.000			50.000	
+	Chế độ báo cáo viên, Văn thư			86.000		86.000			86.000	
+	Công tác Dân vận			180.000		180.000	80.000		180.000	
+	Công tác Tuyên giáo			180.000		180.000	80.000		180.000	
+	Hoạt động của Ủy ban kiểm tra phường			180.000		180.000	45.000		180.000	
+	Hỗ trợ cho các đoàn công tác của BTV chỉ đạo cơ sở (8 đoàn * 30 triệu/đoàn/năm)			240.000		240.000			240.000	
+	Bổ sung kinh phí khám sức khỏe cho cán bộ						105.000	105.000	105.000	
+	Bổ sung các hoạt động chuyên môn khác			1.754.000		1.754.000	1.200.000		1.754.000	
7.3	<i>MTTQ và các TC chính trị XH</i>		3.685.880	1.340.000	0	5.025.880	2.631.645		5.025.880	
-	Lương và các khoản PC		1.448.580			1.448.580	724.290		1.448.580	
-	Quỹ tiền thưởng		146.120			146.120	20.000		146.120	
-	Hoạt động theo định mức		307.460			307.460	153.730		307.460	
-	Kinh phí người hoạt động KCT		32.760			32.760	32.760		32.760	
-	Phụ cấp trưởng ban công tác MT		497.016			497.016	248.508		497.016	
-	Phụ cấp người tham gia hoạt động của TDP		1.243.944			1.243.944	621.972		1.243.944	
-	Hoạt động Ban thanh tra nhân dân		10.000			10.000	5.000		10.000	
+	Hỗ trợ ban công tác mặt trận 05 triệu/khu dân cư			95.000		95.000	47.500		95.000	
+	Kinh phí thực hiện cuộc Vận động toàn dân xây dựng ĐT văn minh			25.000		25.000	25.000		25.000	
+	Hoạt động khác của các tổ chức đoàn thể			1.220.000		1.220.000	752.885	-	1.220.000	
	<i>MTTQ</i>			400.000		400.000	280.930		400.000	
	<i>Đoàn Thanh niên</i>			220.000		220.000	125.000		220.000	
	<i>Nông dân</i>			200.000		200.000	115.300		200.000	
	<i>Phụ nữ</i>			200.000		200.000	103.850		200.000	
	<i>Cựu chiến binh</i>			200.000		200.000	127.805		200.000	
7.4	<i>Các hoạt động quản lý nhà nước khác</i>			1.000.000	2.300.000	3.300.000	1.656.000	- 644.000	2.656.000	
+	Kinh phí tổ chức Bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; các Kỳ họp của HĐND				1.000.000	1.000.000	1.656.000	856.000	1.856.000	
+	Hoạt động khác			1.000.000	1.300.000	2.300.000		- 1.500.000	800.000	
8	An ninh - Quốc phòng	2.202.000	2.202.000		400.000	2.602.000	1.850.000	1.600.000	4.202.000	
8.1	An ninh	600.000	600.000	0	200.000	800.000	750.000	1.000.000	1.800.000	

TT	Nội dung chi	HĐND tỉnh giao			HĐND phường giao bổ sung	Tổng HĐND phường giao đầu năm tại NQ số 24	Ước thực hiện 6 tháng	Đề xuất điều chỉnh tăng, giảm dự toán	HĐND phường điều chỉnh giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng cộng	Hoạt động theo định mức	Bổ sung các hoạt động chuyên môn						
-	Hoạt động khác	600.000	600.000		200.000	800.000	300.000	200.000	1.000.000	
-	Phụ cấp và hoạt động của Tổ ANTT cơ sở (Văn phòng UBND chi)						450.000	800.000	800.000	
8.2	Quốc phòng	1.602.000	1.602.000		200.000	1.802.000	1.100.000	600.000	2.402.000	
-	Hoạt động khác		250.000		200.000	450.000	400.000	200.000	650.000	
-	Chế độ theo Luật DQTV		1.352.000			1.352.000	700.000		1.352.000	
-	Kinh phí diễn tập, BCD phòng không							300.000	300.000	
	Lắp đặt còi báo động phòng không						100.000	100.000	100.000	
9	Chi khác	788.000	788.000		200.000	988.000		- 905.000	83.000	
10	Chi từ nguồn chuyển nguồn 2025 (thường xuyên)							2.823.458	2.823.458	
III	Dự phòng ngân sách	2.408.000	2.408.000		1.000.000	3.408.000	-		3.408.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG